

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H. phúc**

Bản án số: **24/2020/DS-PT**

Ngày 20/3/2020

V/v: Tranh chấp đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Th. phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Dung. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2018/TLPT-DS ngày 06/01/2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân huyện N. Lặc bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2020/QĐ-PT ngày 21/01/2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐ-PT ngày 21/02/2020, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung Th. - sinh năm 1986. *Có mặt.*

và chị Vũ Thị H. - sinh năm 1986. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H.: Anh Nguyễn Trung Th.. Theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2019.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L., sinh năm 1963. *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện N. Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Phố Lê Hoàn, Thị trấn N. Lặc, huyện N. Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn B. – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường và Ông Trịnh Đình L – Phó Chánh Thanh Tra thuộc UBND huyện N. Lặc. Có Công văn 154/UBND-TTr ngày 10/02/2020 xin xét xử vắng mặt. *Vắng mặt.*

- Ông Lê Đình T., sinh năm 1961. *Có mặt.*

-

- Bà Lê Thị O., sinh năm 1962. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Khu..., TT Lam S., huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị Ng., sinh năm 1988. *Có mặt.*

- Chị Lê Thị S., sinh năm 1993. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị L..*

Ông Trương Hùng B. và ông Trương Xuân H. Luật sư Văn phòng Luật sư H.C – Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. *Đều có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo Nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/12/2018 vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông Lê Đình T., bà Phạm Thị O. tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K, diện tích 1606,8m², địa chỉ: Thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Hai bên đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phòng Công chứng số 2 – tỉnh Thanh Hóa, Hợp đồng Công chứng số 1964, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/12/2018; Vợ chồng anh chị đã hoàn tất việc giao nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông T., bà O..

Sau khi ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vợ chồng ông T., bà O. T. hành bàn giao đất trên thực địa cho vợ chồng anh chị thì bà Phạm Thị L. trú tại thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc đã ra tranh chấp quyền sử dụng đất với vợ chồng anh chị. Bà L. cho rằng nguồn gốc thửa đất vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T., bà O. là do chồng bà L. là ông Lê Đình N. chuyển nhượng cho ông T.. Tuy nhiên bà L. không thống nhất việc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ông N. chuyển nhượng cho ông T., nên khi khi vợ chồng anh chị và ông T. đo đạc, xác định ranh giới thửa đất số 14 thì bà L. phát sinh tranh chấp. Do các bên không tự thỏa thuận được tranh chấp, nên vợ chồng anh đã mời Lãnh đạo UBND xã Ng.K, cán bộ địa chính xã và cán bộ tư pháp xã Ng.K đến đo đạc, chứng kiến việc bàn giao đất giữa vợ chồng ông T. và vợ chồng anh chị, nhưng bà L. vẫn không đồng ý với việc xác định ranh giới thửa đất. Bà L. cho rằng chiều rộng thửa đất giáp với đường Hồ Chí Minh gia đình bà chỉ chuyển nhượng cho ông T. là 34m chứ không phải là 36m.

Ngày 03/12/2018 anh có thuê máy xúc đến để làm mặt bằng trên thửa đất số 14 thì bà L. ra cản trở không cho anh sử dụng. Anh và ông T. đã báo cáo với UBND xã Ng.K yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai. Ngày 13/12/2018 UBND xã Ng.K T. hành hòa giải việc tranh chấp đất đai giữa các gia đình gồm đại diện là anh, ông T. và bà L.. Tại buổi hòa giải bà L. thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N. và ông T., nhưng cố tình gây khó khăn cho gia đình anh bằng việc chỉ đồng ý bàn giao đất cho gia đình anh theo sơ đồ, diện tích căn cứ vào giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N. và ông T. ngày 24/12/2003 và các bên không thống nhất được, nên buổi hòa giải không Th..

Do tranh chấp giữa gia đình anh và bà Phạm Thị L. không thể hòa giải được, nên gia đình anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Phạm Thị L. phải tháo dỡ, di dời nhà bằng khung kềm, quây tôn xung quanh, mái lợp tôn diện tích 15m² trên thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K, địa chỉ tại thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Buộc bà Phạm Thị L. phải trả lại cho gia đình anh diện tích 1.606,8m² tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, địa chỉ như trên.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Lê Đình T., bà Phạm Thị O. trình bày:

Đầu tháng 12/2003 ông có đến gia đình ông Lê Đình N., bà Phạm Thị L. thuộc thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc, để hỏi mua đất của gia đình ông N., bà L.. Thời điểm đó chiều sâu đất của gia đình ông N. chỉ khoảng 30m, nên ông không có thiện chí mua. Nhưng gia đình ông N. nói nếu ông quyết tâm mua thì ông N. sẽ nói với gia đình ông Phạm Văn Th1 chuyển nhượng thêm diện tích đất cho đủ chiều sâu từ mặt đường Hồ Chí Minh vào là 60m theo ý của ông. Khoảng 10 ngày sau, ông N. bảo với ông là nhà ông Th1 đã nhất trí chuyển nhượng đất phù hợp với yêu cầu của ông, nên đề nghị ông mang tiền lên để đặt cọc và làm thủ tục chuyển nhượng đất.

Ngày 16/12/2003 ông lên nhà đưa cho ông N. 10.000.000đồng để đặt cọc làm thủ tục chuyển nhượng đất.

Ngày 24/12/2003 hai bên gia đình đã bàn bạc và đi đến thống nhất chuyển nhượng đất với diện tích đất là 1.606,8m² có chiều rộng mặt đường Hồ Chí Minh là 36m, chiều dài giáp nhà ông N., bà L. là 60m. Khi chuyển nhượng đất ông N. có lập giấy chuyển nhượng đất viết tay, trong giấy có thể hiện sơ đồ hiện trạng phân đất mà hai bên chuyển nhượng, có chiều rộng mặt đường Hồ Chí Minh là 36m, trong giấy có ông và ông N. ký, còn bà L. thì ông có đề nghị bà L. ký vào nhưng ông N. nói bà L. không biết ký và để đảm bảo việc chuyển nhượng có căn cứ thì xin chứng nhận của trưởng thôn và UBND xã Ng.K xác nhận. Nhất trí với đề nghị của ông N., nên ông cùng với ông N. lên UBND xã Ng.K xin xác nhận về việc chuyển nhượng đất.

Ngày 28/12/2003 ông chuyển thêm cho ông N. số tiền 33.000.000đồng và hôm đó ông N. có cho ông xem giấy tờ chuyển nhượng đất của gia đình ông Th1 cho gia đình ông N. về diện tích đất kéo dài phía sau phần đất nhà ông N..

Ngày 30/12/2003 vợ chồng ông lên nhà gia đình ông N., bà L. để giao hết phần tiền còn lại là 277.000.000đồng và nhận lại giấy tờ: Giấy chuyển nhượng đất của gia đình ông N.(Giấy viết tay có chứng nhận của thôn trưởng và UBND xã Ng.K), giấy nhận tiền đặt cọc ngày 16/12/2003 và ngày 28/12/2003, giấy chuyển nhượng đất của ông Th1 cho ông N., giấy nhận tiền của gia đình ông Th1 từ ông N..

Ngày 30/12/2003 khi hai bên làm thủ tục gia nhận xong, ông có đưa cho ông N. thêm 5.000.000 đồng để nhờ ông N. xây dựng tường rào ranh giới khu đất nhà ông Th1 bàn giao cho ông N..

Trong suốt thời gian từ năm 2003 đến năm 2012 ông có nhờ ông N. làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất đã chuyển nhượng cho gia đình ông bà nhưng không được.

Đầu năm 2012, Địa chính xã Ng.K có gọi ông để xác nhận diện tích đất gia đình ông N. đã chuyển nhượng cho gia đình ông bà, để các cấp có thẩm quyền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/8/2012 UBND huyện N. Lặc đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL771055 mang tên ông, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, diện tích 1606,8m², trong đó có 1000m² đất ở tại nông thôn và 606,8m² đất trồng cây hàng năm.

Do không có nhu cầu sử dụng, nên năm 2018 gia đình ông bà đã chuyển nhượng thửa đất trên cho gia đình anh Nguyễn Trung Th. tại thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc. Sau khi hai bên hoàn tất thủ tục ký kết Hợp đồng chuyển nhượng đất và công chứng tại Văn phòng Công chứng số 2 – tỉnh Thanh Hóa, hai bên T. hành bàn giao đất trên thực địa thì bà Phạm Thị L. gây cản trở với lý do: Đồng ý giao đất cho gia đình ông với chiều rộng 36m mặt đường từ giữa cống thoát nước của làng, nhưng chiều sâu không thẳng theo nếp móng tường rào ranh giới ông có nhờ ông N. xây khi mới mua đất. Sau đó UBND xã Ng.K đã Th. lập ban hòa giải xuống thôn H.S mời hai bên gia đình đến thửa đất. Tại thời điểm đó, bà L. nhất trí với phương án đo diện tích từ mép chân cống thoát nước của làng về phía giáp phần đất đang ở của gia đình mình là 36m mặt đường, nhưng phía sau lại không chịu chấp nhận cột mốc ranh giới từ điểm đầu tới điểm của 36m là móng tường rào ông nhờ ông N. xây khi mới mua đất. Việc hòa giải của UBND xã Ng.K không Th..

Nay gia đình anh Th. khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị L. phải tháo dỡ, di dời nhà mái tôn để trả lại cho gia đình anh Th. diện tích đất là 1606,8m². Quan điểm của gia đình ông bà: Việc khởi kiện của gia đình anh Th. là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận và đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh Th..

2. Đại diện UBND huyện Ngọc Lặc trình bày:

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K năm 2005, diện tích 1606,8m² của gia đình ông Lê Đình T. có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của hộ ông Lê Đình N. (Chồng bà Phạm Thị L., ông N. đã chết năm 2017), ông N. được bố mẹ cho để ở từ năm 1982.

Ngày 24/12/2003 hộ ông Lê Đình N. chuyển nhượng cho ông Lê Đình T. một phần đất, diện tích đất chuyển nhượng có chiều rộng 36m mặt đường Hồ Chí Minh, chiều dài 60m; giấy chuyển nhượng đất viết tay có chữ ký của ông Lê Đình N. và ông Lê Đình T., được Trưởng thôn H.S và UBND xã Ng.K xác nhận và chứng thực.

Ngày 13/8/2012 UBND huyện N. Lặc đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 771055 cho ông Lê Đình T., thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, diện tích 1696,8m², trên cơ sở đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. và hồ sơ do UBND xã Ng.K lập.

Ngày 11/11/2018 gia đình ông T. đã chuyển nhượng thửa đất trên cho gia đình ông Nguyễn Trung Th. ở thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1964 của Phòng Công chứng số 2 – tỉnh Thanh Hóa, diện tích chuyển nhượng là 1606,8m² là đất ở và đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K năm 2005.

- Hồ sơ đo đạc lập bản đồ địa chính năm 2005:

Năm 2005 thực hiện chủ trương đo đạc để xác lập hồ sơ địa chính, các hộ trong thôn H.S, xã Ng.K đã T. hành kê khai thửa đất của gia đình mình; đối với hộ ông Lê Đình N. được thể hiện tại thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 25, diện tích là 1721m². Ngày 15/10/2007 Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Ng.K họp và thống nhất lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Đình N. tại thửa đất trên. Cùng thời điểm trên hộ ông Lê Đình T. cũng T. hành kê khai thửa đất của gia đình mình và được thể hiện tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, diện tích 1606,8m², bản đồ địa chính năm 2005.

- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Đình T.:

Ông Lê Đình T. có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, diện tích 1606,8m² và được Cán bộ địa chính, UBND xã Ng.K ký xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, tình trạng không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất kèm theo trích đo địa chính thửa đất.

Ngày 15/10/2007 Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Ng.K họp xét cho 139 hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông Lê Đình T., có phiếu lấy ý kiến về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với các hộ đang sử dụng đất tại thôn H.S. Ngày 08/01/2008 UBND xã Ng.K thực hiện việc niêm yết công khai 139 trường hợp đủ điều kiện đề nghị UBND huyện N. Lặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ tại thôn H.S, xã Ng.K. Ngày 10/01/2012 UBND xã Ng.K có tờ trình số 01/TTr – UBND đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo danh sách 139 hồ sơ.

Trên cơ sở tờ trình và hồ sơ của UBND xã Ng.K, Phòng Tài Nguyên và Môi trường có tờ trình số 596/TTr – TNMT ngày 10/8/2012 trình UBND huyện N. Lặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân. Sau khi ông Lê Đình T. thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước, ngày 13/8/2012 UBND huyện N. Lặc ban hành Quyết định số 2911/QĐ – UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Đình T. số BL 771055 tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K năm 2005, diện tích 1606,8m², địa chỉ: Thôn H.S, xã Ng.K, huyện N. Lặc, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn 1000m² và đất trồng cây hàng năm 606,8m².

Như vậy, việc UBND huyện N. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Đình T. tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K năm 2005, diện tích 1606,8m² là đúng quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 11 Nghị Định 84/2007/NĐ – CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không trùng vào thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 25 của gia đình bà Phạm Thị L..

3. *Đối với bị đơn bà Phạm Thị L.:* Tòa án T. hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Phạm Thị L., thông báo cho bà L. ngày, giờ đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, hiện bà L. đang có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương, nhưng bà L. không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của bà L., không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa bà L. cũng vắng mặt không có lý do.

4. *Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ng., chị Lê Thị S.:* Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị S., chị Ng., thông báo cho chị S., chị Ng. ngày, giờ đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng chị Ng., chị S. không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của chị Ng., chị S., không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa chị Ng., chị S. cũng vắng mặt không có lý do.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc đã quyết định:**

Áp dụng: Điểm d khoản 1 Điều 100, Điều 166, điểm a khoản 2 Điều 167, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 9 Điều 26, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung Th. và chị Vũ Thị H..

1. Buộc bà Phạm Thị L., chị Lê Thị Ng., chị Lê Thị S. phải tháo dỡ, di dời 01 lán lợp tôn, vách tôn, khung kẽm diện tích 12,6m²; 20 cây chuối B, 01 cây Đa, 01 cây Si, 05 cây Cau D, 01 cây Hoa Sữa, 01 cây Na B, 01 cây Phượng, 68m² nghệ B, 02 cây Cọ đã lấy lá và trả lại cho anh Th., chị H. diện tích đất 1606,8m²(trong đó có 1000m² đất ở tại nông thôn và 606,8m² đất trồng cây hàng năm) thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K, địa chỉ: Thôn H.S, xã Ng.K, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, trị giá đất và tài sản trên đất: 1.133.366.600đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*). Vị trí thửa đất được xác định(Có sơ đồ kèm theo):

- Phía Đông giáp với thửa đất số 13(01 cạnh 11,4m, 01 cạnh 18m) và thửa đất số 1002 cạnh 17m;
- Phía Tây giáp đường Hồ Chí Minh cạnh 36m;
- Phía Nam giáp ruộng nước cạnh 30m;
- Phía Bắc giáp thửa đất số 1027 của gia đình bà L. cạnh 50m.

* Án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 09/12/2019, bà Phạm Thị L. (bị đơn) kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý với Bản án sơ thẩm đã quyết định bởi vì Giấy chuyển nhượng đất không có chữ ký của bà. Đề nghị Tuyên giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chồng bà và ông Lê Đình T. là vô hiệu và thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Đình T..

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về những nội dung tranh chấp nên đề nghị xét xử theo pháp luật.

- Quan điểm của Người bảo vệ quyền lợi ích cho bị đơn:

Ngày 24/12/2003 ông Lê Đình N. ký tên trên giấy chuyển nhượng đất của cha ông để lại cho ông Lê Đình T. còn nhiều điểm chưa được làm rõ như quyền sở hữu về đất chuyển nhượng, ông N. ký giấy bán đất với tư cách là cá nhân hay là người đại diện cho bên bán, giấy nhận tiền bán đất lại không ghi số tiền, người được thừa kế theo pháp luật là anh Lê Đình H, Lê Đình D không biết việc ông N. bán đất hương hỏa của tổ tiên là chưa đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm không đưa anh H, anh D vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là làm mất đi quyền lợi hợp pháp của anh H, anh D được quy định tại các điều 649 đến 651 BLDS năm 2015.

Chị Lê Thị Ph, Lê Thị Đào, Lê Thị Ng., Lê Thị S. đều là con đẻ của ông Lê Đình N., bà Phạm Thị L. nhưng cấp sơ thẩm đưa chị Ng., chị S. là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào vụ án mà chị Ph, chị Đ đề ngoài là không đúng quy định tại điều 73 BLTTDS.

Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L. và hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự thủ tục chung.

- Quan điểm của Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu và các giấy tờ tài liệu đã chứng minh và khẳng định. Việc mua bán đất giữa anh Th. và chị H. đối với ông T. và bà O. là hoàn toàn hợp lệ trên cơ sở Giấy chứng nhận QSDĐ hợp pháp, hai bên đã thanh toán và làm thủ tục Hợp đồng mua bán đất theo quy định. Nên yêu cầu bà L. và chị Ng. chị S. tháo dỡ, thu hồi các tài sản trên đất để bàn giao lại đất của anh Th., chị L. đã mua của ông T. bà O..

- Quan điểm của ông T., bà L.: Gia đình đã mua của ông N. và bà L. từ năm 2003, chính bà L. và ông N. đã nhận tiền để trả nợ và đã sử dụng vào cho gia đình, năm 2005 xã đã lập bản đồ địa chính, năm 2012 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 gia đình đều không có ý kiến thắc mắc gì. Năm 2019

do ông N. chết, gia đình ông bán đất nên mẹ con bà L. đã tự ý làm mái tạm để bán hàng mục đích để tranh chấp. Các căn cứ thì ông bà vẫn giữ nguyên như đã trình bày và xuất trình tại cấp sơ thẩm. Nên đề nghị buộc mẹ con bà L. phải bàn giao diện tích đã bán.

- Chị Ng. và chị S. có ý kiến: Đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho mẹ con bà.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nội dung kháng cáo: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà Phạm Thị L. không đến Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, không có yêu cầu phản tố nên nội dung kháng cáo yêu cầu: Đề nghị tuyên hủy giấy chứng nhận và thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Đình T. là không được chấp nhận xem xét tại cấp phúc thẩm.

Đối với nội dung kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, xét thấy: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T., bà O. và gia đình ông N., bà L. được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật; hai hộ đã T. hành đo vẽ, cấp trích lục và giao đất trên thực địa, xác định ranh giới đất trên thực tế giữa hai gia đình khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tại thời điểm đó cho đến năm 2018, gia đình bà L. không có ý kiến, khiếu nại gì về diện tích đất, mốc giới, ranh giới giữa hai thửa đất. Xét thấy UBND huyện Ngọc Lặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Đình T. tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K năm 2005, diện tích 1606,8m² là đúng quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 11 Nghị Định 84/2007/NĐ – CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, không trùng vào thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 25 của gia đình bà Phạm Thị L..

Đối với việc gia đình ông T., bà O. chuyển nhượng thửa đất số 14 cho gia đình anh Th., chị H., đã lập Hợp đồng chuyển nhượng và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng, diện tích và hiện trạng đất như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T., nên việc chuyển nhượng này là hợp pháp, quyền sử dụng đất thuộc về gia đình anh Th., chị H.. Nên bà L., chị Ng. và chị S. phải có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản tự ý làm trên đất đã bán và bàn giao diện tích đất đã bán cho gia đình anh Th. chị H. mua của ông T., bà O..

Đối với yêu cầu chưa đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con cụ Phòng, cụ Năm và con ông N., bà L. vào tham gia tố tụng thì xét thấy việc mua bán đất giữa gia đình ông N., bà L. và ông T., bà O. là phù hợp với pháp luật. Nên những người này nếu có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác về thừa kế đối với gia đình bà L. theo quy định của pháp luật.

Vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L., giữ nguyên Bản án sơ thẩm số

14/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của TAND huyện Ngọc Lặc. Bà L. phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo:

- Đối với nội dung kháng cáo đề nghị tuyên giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Đình N. và ông Lê Đình T. là vô hiệu và thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL771055 ngày 13/8/2012 do UBND huyện Ngọc Lặc đã cấp cho ông Lê Đình T.. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà Phạm Thị L. không có mặt và không có thủ tục yêu cầu thụ lý phản tố theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không được xem xét tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ thôn H.S, xã Ng.K, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa có nguồn gốc: Ngày 24/12/2003 ông Lê Đình T. và bà Lê Thị O. nhận chuyển nhượng của gia đình ông Lê Đình N. và bà Phạm Thị L., diện tích đất 1606,8m², có chiều rộng mặt đường Hồ Chí Minh là 36m, chiều dài một cạnh giáp thửa đất nhà ông N., bà L. là 60m, một cạnh giáp khe nước; hai bên có viết giấy chuyển nhượng đất đề ngày 24/11/2003 được Trưởng thôn H.S xác nhận và Chủ tịch UBND xã Ng.K chứng thực. Ngày 13/8/2012 UBND huyện Ngọc Lặc đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL771055 cho gia đình ông T., bà O.. Ngày 11/11/2018 gia đình ông T., bà O. đã chuyển nhượng thửa đất trên cho gia đình anh Nguyễn Trung Th., chị Vũ Thị H., hai bên đã lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1964 và đã công chứng tại Văn phòng công chứng số 2 – tỉnh Thanh Hóa, hiện chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Sau khi hai bên thực hiện việc mua bán, ông T. bà O. T. hành bàn giao đất và gia đình anh Th. chị H. thuê máy để san lấp mặt bằng thửa đất thì gia đình bà L. gây cản trở, không cho bàn giao.

- Xét nội dung kháng cáo: Ngày 24/12/2003 ông Lê Đình N. chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình cho ông Lê Đình T. và bà Lê Thị O., với diện tích 1606,8m², có chiều rộng mặt đường Hồ Chí Minh là 36m, chiều dài một cạnh giáp thửa đất nhà ông N. là 60m, một cạnh giáp khe nước. Hai bên có viết giấy chuyển nhượng đất đề ngày 24/11/2003 được Trưởng thôn H.S xác nhận và Chủ tịch UBND xã Ng.K chứng thực. Giấy chuyển nhượng đất có chữ ký của ông N., không có chữ ký của bà Phạm Thị L., nhưng bà L. đã biết việc chuyển nhượng đất giữa gia đình bà và gia đình ông T., cụ thể năm 2004 ông T. có đưa cho ông

N. (chồng bà L.) 5.000.000đ nhờ xây bức tường rào ngăn cách phía sau phần đất đã bán, đến nay bức tường đã bị đổ nhưng vẫn còn phần móng ngăn cách.

Theo các tài liệu hồ sơ địa phương cung cấp: Năm 2005 UBND xã Ng.K đã lập hồ sơ địa chính, thể hiện phần đất còn lại của gia đình bà L. là thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 25, diện tích 1721,0m². Năm 2007 Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Ng.K lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 139 hộ gia đình, cá nhân tại thôn H.S, xã Ng.K, trong đó có hộ gia đình ông N., bà L. và hộ gia đình ông T., bà O.; UBND xã Ng.K đã có xác nhận về nguồn gốc đất, tình trạng thửa đất không có tranh chấp, kèm theo trích đo địa chính thửa đất của 139 hộ gia đình, cá nhân; sau khi có phiếu lấy ý kiến về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại thôn H.S, UBND xã Ng.K T. hành niêm yết công khai 139 trường hợp có đủ điều kiện đề nghị UBND huyện Ngọc Lặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đó, UBND huyện Ngọc Lặc đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 139 hộ gia đình, cá nhân; đối với hộ gia đình ông T., bà O. được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL771055 ngày 13/8/2012 với diện tích 1606,8m², có chiều rộng mặt đường Hồ Chí Minh là 36m. Gia đình bà L., ông N. cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1721,0m² thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 25 xã Ng.K liền kề với thửa đất số 14 của gia đình ông T., bà N.. Từ năm 2012 đến cuối năm 2018 gia đình bà L., ông N. không có khiếu nại thắc mắc gì đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T., bà O..

Như vậy, UBND huyện Ngọc Lặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL771055 ngày 13/8/2012 cho ông Lê Đình T. và bà Lê Thị O. tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K năm 2005, diện tích 1606,8m² là đúng quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 11 Nghị Định 84/2007/NĐ – CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, không trùng vào thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 25 của gia đình bà Phạm Thị L.. Vì vậy, thửa đất trên là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lê Đình T. và bà Lê Thị O..

Cuối năm 2017, ông N. chồng bà L. chết, ngày 11/11/2018 gia đình ông T., bà O. đã chuyển nhượng thửa đất trên cho gia đình anh Nguyễn Trung Th., chị Vũ Thị H. thì mẹ con bà L. phát sinh tranh chấp.

- Tại biên bản hòa giải của UBND xã Ng.K ngày 12/12/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bà L. thừa nhận gia đình bà có bán cho hộ ông Lê Đình T. số diện tích đất là 36m mặt đường.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2019: Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31 qua kiểm tra, đo đạc hiện trạng thực tế có diện tích 1606,8m² như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông T. và không trùng lên thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 25 của gia đình bà L.; thửa đất số 14 trên thực địa có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp với thửa đất số 13 (1 cạnh 11,4m, 1 cạnh 18m) và thửa đất số 1002 cạnh 17m; phía Tây giáp đường Hồ Chí Minh cạnh 36m; phía Nam giáp ruộng nước cạnh 30m; phía Bắc giáp thửa đất số 1027 của gia đình bà L. cạnh 50m.

Trên thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31 qua kiểm tra hiện trạng và lời trình bày của bà L. tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà L. đã cùng với hai con gái là chị Lê Thị Ng., chị Lê Thị S. đã xây dựng 01 lán lợp tôn, vách tôn, khung kẽm diện tích 12,6m²; 20 cây chuối B, 01 cây Đa, 01 cây Si, 05 cây Cau D, 01 cây Hoa Sữa, 01 cây Na B, 01 cây Phượng, 68m² nghệ B, 02 cây Cọ đã lấy lá. Sau khi Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ tiến hành xem xét, thẩm định xong đã lập biên bản và thông qua kết quả cho các bên đương sự cùng nghe; bà L., chị S., chị Ng. có mặt đều thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại nhưng không ký vào biên bản và cũng không có ý kiến gì bổ sung.

Ngày 11/11/2018 gia đình ông T., bà O. chuyển nhượng thửa đất trên cho gia đình anh Nguyễn Trung Th., chị Vũ Thị H.. Hai bên đã lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1964 và đã công chứng tại Văn phòng công chứng số 2 – tỉnh Thanh Hóa; Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông T., bà O. và gia đình anh Th., chị H. là hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; gia đình anh Th., chị H. chưa làm thủ tục sang tên nhưng về mặt pháp lý thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31 mang tên ông T., bà O. đã thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Th., chị H. như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T., bà O. được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật; hai hộ đã T. hành đo vẽ, cấp trích lục và giao đất trên thực địa, xác định ranh giới đất trên thực tế giữa hai gia đình khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tại thời điểm đó gia đình bà L. không có ý kiến, khiếu nại gì về diện tích đất, mốc giới, ranh giới giữa hai thửa đất. Đối với việc gia đình ông T., bà O. chuyển nhượng thửa đất số 14 cho gia đình anh Th., chị H., đã lập Hợp đồng chuyển nhượng và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng, diện tích và hiện trạng đất như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T., nên việc chuyển nhượng này là hợp pháp, quyền sử dụng đất thuộc về gia đình anh Th., chị H..

Như vậy cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th., chị H., buộc bà L., chị S. và chị Ng. (03 mẹ con) là những người đang ở liền kề gây cản trở phải tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và bàn giao diện tích đất trên cho anh Th., chị H. đã mua của ông T., bà O. là có căn cứ.

Anh Th., chị H. có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất đối thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính xã Ng.K, với diện tích 1606,8m².

* Đối với phần yêu cầu đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền thừa kế mảnh đất trên, HĐXX xét thấy việc chuyển nhượng đất như đã phân tích trên là phù hợp với pháp luật và thực tế. Bà L., chị Ng. và chị S. là những người đang sinh sống tại mảnh đất liền kề có hành vi tranh chấp cản trở việc giao đất nên cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp. Còn những người gồm ông Lê Đình H, Lê Đình D (con cụ Ph và cụ N); chị Lê

Thị Ph và Lê Thị Đ (con ông N.) hiện đang sinh sống nơi khác, không có hành vi cản trở việc giao đất nếu có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án chia thừa kế, hoặc chia tài sản chung đối với bà L., chị Ng. và chị S. đang quản lý di sản thừa kế của ông N. đã chết năm 2017.

Từ những căn cứ và phân tích trên, kháng cáo của bà Phạm Thị L. là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

[3]. Án phí: Bà Phạm Thị L. phải chịu án 300.000đ phí dân sự phú thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L., giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

[2]. Căn cứ: Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 11 Nghị định 84/2007/NĐ – CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ; Điểm d khoản 1 Điều 100; Điều 166; điểm a khoản 2 Điều 167; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

[3]. **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung Th. và chị Vũ Thị H..

1. Buộc bà Phạm Thị L., chị Lê Thị Ng. và chị Lê Thị S. phải tháo dỡ, di dời: 01 lán lợp tôn; vách tôn; khung kẽm diện tích 12,6m²; 20 cây chuối B; 01 cây đa; 01 cây si; 05 cây cau D; 01 cây hoa sữa; 01 cây na B; 01 cây phượng, 68m² nghệ B; 02 cây cọ đã lấy lá và toàn bộ các tài sản hiện có trên đất, để:

Trả lại cho anh Nguyễn Trung Th. và chị Vũ Thị H. diện tích đất 1606,8m² (trong đó có 1000m² đất ở tại nông thôn và 606,8m² đất trồng cây hàng năm) thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính xã Ng.K. Nguồn gốc đất anh Th. và chị H. mua của ông Lê Đình T. và bà Lê Thị O. đã được UBND huyện Ngọc Lặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL771055 ngày 13/8/2012.

Vị trí thửa đất phải trả lại được xác định:

Phía Đông giáp với thửa đất số 13 (01 cạnh 11,4m, 01 cạnh 18m) và thửa đất số 1002 cạnh 17m; Phía Tây giáp đường Hồ Chí Minh cạnh 36m; Phía Nam

giáp nương nước cạnh 30m; Phía Bắc giáp thửa đất số 1027 của gia đình bà L. cạnh 50m. (Có sơ đồ kèm theo Bản án)

Anh Nguyễn Trung Th. và chị Vũ Thị H. có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất đối thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a hoặc 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị L. phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006790 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Lặc.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện N. Lặc;
- Chi cục THADS H.N. Lặc;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Hùng

